

**SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
LONG AN****ĐỀ THI THỬ TỐT NGHIỆP THPT NĂM 2025
MÔN THI: ĐỊA LÍ**

(Thời gian làm bài: 50 phút, không kể thời gian phát đề)

PHẦN I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 18. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án

Câu 1: Biện pháp chủ yếu để nâng cao chất lượng sản phẩm công nghiệp ở nước ta là

- A. hoàn thiện cơ sở vật chất kĩ thuật và cơ sở hạ tầng.
- B. đảm bảo tốt nguồn nguyên, nhiên liệu, năng lượng.
- C. nâng cao trình độ của lao động, mở rộng thị trường.
- D. đầu tư theo chiều sâu, đổi mới thiết bị và công nghệ.

Câu 2: Biện pháp phòng chống thiên tai nào phù hợp trong việc giảm thiểu thiệt hại do động đất?

- A. Xây dựng các công trình ngầm dưới đất.
- B. Đóng cửa tất cả các cửa sổ và cửa ra vào.
- C. Trồng rừng bảo vệ khu vực có nguy cơ động đất.
- D. Xây dựng nhà cửa có nền móng vững chắc và thiết kế chịu lực.

Câu 3: Cho bảng số liệu sau:

Trị giá xuất khẩu và nhập khẩu hàng hoá của nước ta giai đoạn 2010 – 2021

(Đơn vị: tỉ USD)

Năm	Tổng trị giá	Xuất khẩu	Nhập khẩu
2010	157,0	72,2	84,8
2015	327,7	162,0	165,7
2020	545,4	282,6	262,8
2021	669,0	336,1	322,9

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2022)

Cho biết nhận xét nào sau đây đúng?

- A. Cán cân xuất nhập khẩu luôn luôn dương.
- B. Trị giá xuất khẩu luôn lớn hơn nhập khẩu.
- C. Trị giá xuất khẩu tăng và nhập khẩu giảm.
- D. Trị giá xuất khẩu tăng nhanh qua các năm.

Câu 4: Giải pháp chủ yếu để nâng cao hiệu quả kinh tế - xã hội của cây công nghiệp lâu năm ở Tây Nguyên là

- A. mở rộng các hình thức sản xuất trang trại và hộ gia đình.
- B. đa dạng hoá các loại cây trồng kết hợp với bảo vệ rừng.
- C. đẩy mạnh khâu chế biến, đa dạng sản phẩm xuất khẩu.
- D. sử dụng giống cây trồng phù hợp với điều kiện sinh thái.

Câu 5: Duyên hải Nam Trung bộ phát triển mạnh ngành giao thông vận tải biển là nhờ vào điều kiện nào sau đây?

- A. Biển có nhiều vịnh sâu, kín gió.
- B. Đường bờ biển dài, nhiều đảo.
- C. Nhiều ngư trường lớn.
- D. Vùng biển rộng, khí hậu thuận lợi.

Câu 6: Việc hình thành các khu chế xuất ở nước ta có ý nghĩa chủ yếu nào sau đây?

- A. Đáp ứng nhu cầu tiêu dùng trong nước và giải quyết việc làm.
- B. Thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế và phân công lao động.
- C. Góp phần phân bố lại các khu dân cư và mở rộng các đô thị.
- D. Tạo nguồn hàng xuất khẩu và thúc đẩy sự tăng trưởng kinh tế.

Câu 7: Nhân tố quyết định tính chất đa dạng về thành phần loài của giới sinh vật ở Việt Nam là

- A. địa hình đồi núi chiếm ưu thế và phân hóa phức tạp.
- B. khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa và phân hóa đa dạng.
- C. đất tốt và có sự phong phú đa dạng của các nhóm đất.
- D. nằm trên đường di cư, dự lưu của nhiều loài sinh vật.

Câu 8: Vai trò của kinh tế Nhà nước là

- A. cung cấp dịch vụ, tạo điều kiện để các thành phần kinh tế sản xuất, kinh doanh.
- B. ổn định kinh tế vĩ mô, định hướng và dẫn dắt phát triển kinh tế - xã hội.
- C. động lực quan trọng của nền kinh tế với các tập đoàn tư nhân lớn mạnh.
- D. huy động nguồn đầu tư, công nghệ, phương thức quản lý từ nước ngoài.

Câu 9: Ý nghĩa chủ yếu của đường Hồ Chí Minh đối với Bắc Trung Bộ là

- A. tăng khối lượng hành khách vận chuyển, thu hút đầu tư, mở rộng hệ thống đô thị.
- B. tăng cường giao thương với các nước láng giềng, thúc đẩy phát triển kinh tế mở.
- C. thúc đẩy kinh tế các huyện phía tây, phân bố lại dân cư, hình thành đô thị mới.
- D. tăng khả năng vận chuyển Bắc - Nam, mở rộng hậu phương cho cảng nước sâu.

Câu 10: Vùng kinh tế nào sau đây ở nước ta có tỉ lệ dân thành thị cao nhất?

- A. Đồng bằng sông Cửu Long.
- B. Duyên hải Nam Trung Bộ.
- C. Đồng bằng sông Hồng.
- D. Đông Nam Bộ.

Câu 11: Loại hình vận tải có khối lượng hàng hóa luân chuyển lớn nhất nước ta là

- A. đường bộ. B. đường biển. C. đường sông. D. đường hàng không.

Câu 12: Loại gió hoạt động quanh năm và thường xuyên ở nước ta là gió

- A. Tín phong. B. mùa hạ. C. mùa đông. D. phơn Tây Nam.

Câu 13: Đảo nào sau đây của nước ta, hiện nay đã trở thành thành phố đảo?

- A. Côn Đảo. B. Phú Quốc. C. Cô Tô. D. Phú Quý.

Câu 14: Nhân tố chủ yếu tạo việc làm cho lao động nước ta hiện nay là

- A. chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế, nâng cao trình độ người lao động.
B. sự phát triển của các ngành kinh tế, đa dạng hoá loại hình sản xuất.
C. việc đẩy mạnh quá trình đô thị hoá, đẩy mạnh hiện đại hoá sản xuất.
D. tăng năng suất lao động xã hội, sử dụng nhiều phương tiện tự động.

Câu 15: Đặc điểm nào sau đây **không** đúng với dân cư nước ta hiện nay?

- A. Dân cư phân bố đều giữa thành thị và nông thôn.
B. Cơ cấu dân số theo nhóm tuổi có sự thay đổi.
C. Quy mô dân số đông, nhiều thành phần dân tộc.
D. Tốc độ gia tăng dân số giảm, cơ cấu dân số vàng.

Câu 16: Điều kiện nào sau đây thuận lợi nhất để Đồng bằng sông Cửu Long phát triển ngành nuôi trồng thủy sản?

- A. Ít chịu ảnh hưởng của bão. B. Khí hậu cận xích đạo gió mùa.
C. Người dân có kinh nghiệm trong sản xuất. D. Rừng ngập mặn, diện tích mặt nước lớn.

Câu 17: Vùng biển nước ta **không** tiếp giáp với quốc gia nào sau đây?

- A. Ma-lai-xi-a. B. Xin-ga-po. C. Đông-ti-mo. D. In-đô-nê-xi-a.

Câu 18: Gió mùa đông có đặc điểm nào sau đây?

- A. Thổi từ Tây Nam ra biển, gây gió mạnh ở vùng biển.
B. Làm thời tiết khô và lạnh vào mùa đông ở miền Bắc.
C. Thổi từ biển vào đất liền, mang theo lượng mưa lớn.
D. Thổi từ phía Nam ra phía Bắc, gây mưa lớn kéo dài.

PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai

Câu 1: Cho bảng số liệu:

Diện tích và sản lượng lúa cả năm của Duyên hải Nam Trung Bộ giai đoạn 2010 – 2021

Năm	2010	2015	2020	2021
Diện tích (nghìn ha)	524,1	519,0	484,2	524,5
Sản lượng (nghìn tấn)	2779,5	3045,4	2942,9	3248,8

(Nguồn: Niên giám thống kê năm 2016, tr.454,458; năm 2022, tr.603, 607)

- a) Năng suất lúa tăng liên tục và năm 2021 đạt cao nhất.
- b) Diện tích lúa có xu hướng tăng nhưng không ổn định.
- c) Sản lượng lúa tăng liên tục và tăng nhanh hơn năng suất.
- d) Tốc độ tăng trưởng của năng suất nhanh hơn diện tích.

Câu 2: Cho thông tin sau:

Với nền nhiệt độ cao, lượng mưa dồi dào và sự thay đổi rõ rệt theo mùa, đất nước ta sở hữu những cánh rừng xanh mướt quanh năm, những đồng bằng màu mỡ, và hệ động – thực vật vô cùng đa dạng. Mùa hè đến, những cơn mưa bất chợt tưới mát đất trời, đánh thức sức sống mãnh liệt của cỏ cây hoa lá; mùa đông se lạnh lại đem đến sự lặng lẽ dịu dàng cho núi rừng. Khí hậu nhiệt đới ẩm không chỉ tạo điều kiện thuận lợi cho nông nghiệp phát triển mà còn là nền tảng cho lối sống gắn bó mật thiết với tự nhiên của người Việt. Trong từng cơn gió, từng hạt mưa, ta cảm nhận được hơi thở nồng nàn của đất trời, của một vùng đất giàu sức sống và đầy bản sắc.

- a) Rừng rậm nhiệt đới ẩm thường xanh là kiểu thảm thực vật đặc trưng của Việt Nam.
- b) Việt Nam không có sự phân hóa mùa rõ rệt, do khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa ổn định quanh năm.
- c) Khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa không ảnh hưởng nhiều đến đời sống và sản xuất nông nghiệp ở Việt Nam.
- d) Thiên nhiên nước ta mang tính chất nhiệt đới ẩm gió mùa.

Câu 3: Cho thông tin sau:

Nông nghiệp Việt Nam đóng vai trò quan trọng trong nền kinh tế quốc dân, góp phần đảm bảo an ninh lương thực và cung cấp nguyên liệu cho nhiều ngành công nghiệp. Với điều kiện tự nhiên thuận lợi như đất đai màu mỡ, khí hậu nhiệt đới gió mùa, Việt Nam phát triển đa dạng các loại cây trồng như lúa gạo, cà phê, hồ tiêu, cao su và trái cây nhiệt đới. Bên cạnh đó, chăn nuôi và nuôi trồng thủy sản cũng là những lĩnh vực quan trọng, đặc biệt là xuất khẩu tôm, cá tra, cá basa. Trong những năm gần đây, ngành nông nghiệp đang chuyển mình theo hướng hiện đại hóa, ứng dụng công nghệ cao để nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm và thích ứng với biến đổi khí hậu.

- a) Việt Nam đã triển khai mô hình nông nghiệp hữu cơ và phát triển sản phẩm nông sản sạch, đáp ứng nhu cầu tiêu dùng trong nước và xuất khẩu.

- b) Việt Nam không phải là nước xuất khẩu lớn các sản phẩm nông sản như gạo, cà phê, và hồ tiêu.
- c) Nông nghiệp Việt Nam chủ yếu dựa vào công nghiệp hóa hiện đại, không còn phụ thuộc vào sản xuất truyền thống.
- d) Việt Nam có thể sản xuất nông sản quanh năm nhờ khí hậu nhiệt đới và đa dạng các vùng sinh thái.

Câu 4: Cho thông tin sau:

Duyên hải Nam Trung Bộ – dải đất trải dài theo bờ biển xanh thẳm – là nơi giao hòa tuyệt đẹp giữa thiên nhiên hùng vĩ và nét văn hóa đặc sắc của con người miền Trung. Vùng đất này không chỉ nổi tiếng với những bãi biển đẹp như tranh vẽ – Nha Trang, Mũi Né, Quy Nhơn – mà còn là khu vực kinh tế năng động, đóng vai trò quan trọng trong chiến lược phát triển biển của quốc gia. Với hệ thống cảng biển, sân bay quốc tế và tuyến giao thông huyết mạch Bắc – Nam, Duyên hải Nam Trung Bộ đang ngày càng khẳng định vai trò là cầu nối thương mại, du lịch và hội nhập quốc tế. Tiềm năng về kinh tế biển, du lịch, nuôi trồng thủy sản và năng lượng tái tạo đang được khai thác hiệu quả, góp phần đưa vùng đất đầy nắng gió này trở thành trung tâm phát triển bền vững, gắn kết giữa truyền thống và hiện đại, giữa con người và thiên nhiên.

- a) Ngành du lịch là một trong những ngành phát triển mạnh mẽ ở vùng kinh tế Duyên hải miền Trung nhờ vào các bãi biển đẹp và di sản văn hóa.
- b) Các cảng biển như Đà Nẵng, Quy Nhơn và Cam Ranh là những cửa ngõ quan trọng trong giao thương quốc tế của Nam Trung Bộ.
- c) Kinh tế Duyên hải miền Trung chủ yếu phụ thuộc vào ngành công nghiệp nặng và khai khoáng.
- d) Vùng kinh tế Duyên hải miền Trung không có sự phát triển mạnh mẽ trong ngành công nghiệp chế biến thực phẩm.

PHẦN III. Câu trắc nghiệm trả lời ngắn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 6

Câu 1: Năm 2023 tổng GDP nước ta là 10 221,8 nghìn tỉ đồng, trong đó GDP của dịch vụ chiếm 42,5%. Tính giá trị GDP của ngành dịch vụ năm 2023? (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị).

Câu 2: Năm 2023, tổng đàn trâu cả nước là 2 136,0 nghìn con, vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ có 1 193,5 nghìn con. Tính tỉ trọng đàn trâu của Trung du miền núi Bắc Bộ trong tổng đàn trâu cả nước? (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân).

Câu 3: Cho bảng số liệu:

Lượng mưa các tháng, năm 2023 tại trạm quan trắc Đà Lạt

(Đơn vị: mm)

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Lượng mưa	31,0	4,8	49,5	39,5	410,0	432,8	450,1	151,9	288,3	262,8	74,9	35,8

Căn cứ vào bảng số liệu trên, hãy cho biết tổng lượng mưa năm 2023 tại trạm quan trắc Đà Lạt là bao nhiêu mm? (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị).

Câu 4: Năm 2022, doanh thu dịch vụ bưu chính và viễn thông của nước ta là 361 337,1 nghìn tỉ đồng, trong đó doanh thu của viễn thông là 32 9631,8 nghìn tỉ đồng. Hãy cho biết tỉ trọng doanh thu của viễn thông trong tổng doanh thu dịch vụ bưu chính và viễn thông là bao nhiêu phần trăm? (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân).

Câu 5: Cho bảng số liệu:

Diện tích, dân số của Đà Nẵng và Tp Hồ Chí Minh năm 2023

Địa điểm	Diện tích (km^2)	Dân số (nghìn người)
Đà Nẵng	1 284,7	1 245,2
Tp Hồ Chí Minh	2 095,4	9 456,7

(Nguồn: Tổng cục thống kê Việt Nam năm 2023)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, hãy cho biết năm 2023, mật độ dân số của TP Hồ Chí Minh gấp mấy lần Đà Nẵng? (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân).

Câu 6: Cho bảng số liệu:

Sản lượng thủy sản nước ta năm 2015 và năm 2023

(Đơn vị: triệu tấn)

Sản lượng	2015	2023
Khai thác	3,03	3,8
Nuôi trồng	3,52	5,43

(Nguồn: Tổng cục thống kê Việt Nam năm 2023)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, hãy cho biết tỉ trọng sản lượng thủy sản nuôi trồng của nước ta năm 2023 so với năm 2015 tăng thêm bao nhiêu phần trăm? (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân).

----- HẾT -----

HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

PHẦN I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 18. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án

1. D	2. D	3. D	4. C	5. A	6. D	7. D	8. B	9. C	10. D
11. B	12. A	13. B	14. B	15. A	16. D	17. C	18. B		

Câu 1: Biện pháp chủ yếu để nâng cao chất lượng sản phẩm công nghiệp ở nước ta là

- A. hoàn thiện cơ sở vật chất kĩ thuật và cơ sở hạ tầng.
- B. đảm bảo tốt nguồn nguyên, nhiên liệu, năng lượng.
- C. nâng cao trình độ của lao động, mở rộng thị trường.
- D. đầu tư theo chiều sâu, đổi mới thiết bị và công nghệ.

Câu 1 (VD):

Phương pháp:

Dựa vào hiện trạng chất lượng sản phẩm công nghiệp, cơ sở hạ tầng của nước ta,... Từ đó đưa ra các biện pháp chủ yếu để nâng cao chất lượng sản phẩm công nghiệp ở nước ta.

Cách giải:

Biện pháp chủ yếu để nâng cao chất lượng sản phẩm công nghiệp ở nước ta là đầu tư theo chiều sâu, đổi mới thiết bị và công nghệ.

- Đầu tư theo chiều sâu: Tập trung vào việc nâng cao hiệu quả sản xuất trên cơ sở hiện có, bao gồm đổi mới máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ tiên tiến. Điều này trực tiếp tác động đến chất lượng sản phẩm, giúp sản phẩm đạt tiêu chuẩn cao hơn, mẫu mã đẹp hơn và có tính cạnh tranh hơn.

- Đổi mới thiết bị và công nghệ: Việc áp dụng các công nghệ sản xuất mới, hiện đại giúp tăng năng suất, giảm chi phí sản xuất, đồng thời nâng cao độ chính xác và chất lượng của sản phẩm.

A sai vì đây là điều kiện cần thiết để phát triển công nghiệp nói chung, tạo môi trường thuận lợi cho sản xuất, nhưng không trực tiếp quyết định chất lượng sản phẩm.

B sai vì việc đảm bảo nguồn cung ổn định và chất lượng của nguyên liệu, nhiên liệu, năng lượng là yếu tố quan trọng cho quá trình sản xuất liên tục và ổn định, ảnh hưởng gián tiếp đến chất lượng sản phẩm.

C sai vì nâng cao trình độ lao động giúp vận hành máy móc, thiết bị hiệu quả hơn và kiểm soát chất lượng tốt hơn. Mở rộng thị trường tạo động lực cho doanh nghiệp nâng cao chất lượng để cạnh tranh. Tuy nhiên, yếu tố then chốt vẫn là công nghệ và thiết bị sản xuất.

Đáp án: D

Câu 2: Biện pháp phòng chống thiên tai nào phù hợp trong việc giảm thiểu thiệt hại do động đất?

- A. Xây dựng các công trình ngầm dưới đất.
- B. Đóng cửa tất cả các cửa sổ và cửa ra vào.
- C. Trồng rừng bảo vệ khu vực có nguy cơ động đất.
- D. Xây dựng nhà cửa có nền móng vững chắc và thiết kế chịu lực.

Câu 2 (NB):

Phương pháp:

Dựa vào nội dung một số thiên tai, nguyên nhân, hậu quả và biện pháp phòng chống (Chuyên đề Địa lí 12).

Cách giải:

Biện pháp phòng chống thiên tai phù hợp trong việc giảm thiểu thiệt hại do động đất là xây dựng nhà cửa có nền móng vững chắc và thiết kế chịu lực.

Đáp án: D

Câu 3: Cho bảng số liệu sau:

Trị giá xuất khẩu và nhập khẩu hàng hoá của nước ta giai đoạn 2010 – 2021

(Đơn vị: tỉ USD)

Năm	Tổng trị giá	Xuất khẩu	Nhập khẩu
2010	157,0	72,2	84,8
2015	327,7	162,0	165,7
2020	545,4	282,6	262,8
2021	669,0	336,1	322,9

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2022)

Cho biết nhận xét nào sau đây đúng?

- A. Cán cân xuất nhập khẩu luôn luôn dương.
- B. Trị giá xuất khẩu luôn lớn hơn nhập khẩu.
- C. Trị giá xuất khẩu tăng và nhập khẩu giảm.
- D. Trị giá xuất khẩu tăng nhanh qua các năm.

Câu 3 (TH):

Phương pháp:

Dựa vào bảng số liệu và công thức:

Cán cân xuất nhập khẩu = Trị giá xuất khẩu – Trị giá nhập khẩu

(Cán cân xuất nhập khẩu dương khi Trị giá xuất khẩu > Trị giá nhập khẩu).

Cách giải:

A, B sai vì năm 2010, 2015 có trị giá xuất khẩu < trị giá nhập khẩu nên cán cân xuất nhập khẩu của 2 năm này âm.

C sai vì trị giá xuất khẩu và nhập khẩu giai đoạn 2015 – 2021 đều tăng.

D đúng, trong từng giai đoạn, trị giá xuất khẩu tăng nhiều và tăng nhanh.

Đáp án: D

Câu 4: Giải pháp chủ yếu để nâng cao hiệu quả kinh tế - xã hội của cây công nghiệp lâu năm ở Tây Nguyên là

- A. mở rộng các hình thức sản xuất trang trại và hộ gia đình.
- B. đa dạng hoá các loại cây trồng kết hợp với bảo vệ rừng.
- C. đẩy mạnh khâu chế biến, đa dạng sản phẩm xuất khẩu.
- D. sử dụng giống cây trồng phù hợp với điều kiện sinh thái.

Câu 4 (VD):

Phương pháp:

Dựa vào các giải pháp chủ yếu để nâng cao chất lượng, giá trị, tăng sức cạnh tranh cho sản phẩm cây công nghiệp lâm năm. Đó chính là các giải pháp chủ yếu để nâng cao hiệu quả kinh tế - xã hội của cây công nghiệp lâu năm ở Tây Nguyên.

Cách giải:

Giải pháp chủ yếu để nâng cao hiệu quả kinh tế - xã hội của cây công nghiệp lâu năm ở Tây Nguyên là đẩy mạnh khâu chế biến, đa dạng sản phẩm xuất khẩu.

- Đẩy mạnh khâu chế biến: Tây Nguyên có tiềm năng lớn về sản xuất các loại cây công nghiệp lâu năm như cà phê, cao su, hồ tiêu. Tuy nhiên, việc xuất khẩu chủ yếu ở dạng thô khiến giá trị kinh tế không cao. Đẩy mạnh khâu chế biến sâu sẽ tạo ra các sản phẩm có giá trị gia tăng cao hơn nhiều (ví dụ: cà phê rang xay, cà phê hòa tan, các sản phẩm từ cao su, hồ tiêu xay, tinh dầu hồ tiêu...).

- Đa dạng hóa sản phẩm xuất khẩu: Việc chỉ tập trung vào một vài sản phẩm thô khiến nền kinh tế dễ bị phụ thuộc bởi biến động giá cả trên thị trường thế giới. Đa dạng hóa các sản phẩm chế biến sẽ giúp giảm thiểu rủi ro và tăng tính cạnh tranh.

A sai vì đây là biện pháp mang tính mở rộng quy mô sản xuất, làm tăng sản lượng, không phải là biện pháp để nâng cao hiệu quả kinh tế - xã hội.

B sai vì bảo vệ rừng mang ý nghĩa về mặt sinh thái, không phải là biện pháp để nâng cao hiệu quả kinh tế - xã hội.

D sai vì đó là yếu tố quan trọng để đảm bảo năng suất và chất lượng sản phẩm, nhưng nó là điều kiện cần, không phải là giải pháp chủ yếu để tối ưu hóa hiệu quả kinh tế - xã hội sau khi đã có sản phẩm.

Đáp án: C

Câu 5: Duyên hải Nam Trung bộ phát triển mạnh ngành giao thông vận tải biển là nhờ vào điều kiện nào sau đây?

A. Biển có nhiều vịnh sâu, kín gió.

B. Đường bờ biển dài, nhiều đảo.

C. Nhiều ngư trường lớn.

D. Vùng biển rộng, khí hậu thuận lợi.

Câu 5 (NB):

Phương pháp:

Dựa vào thế mạnh và hạn chế đối với phát triển các ngành kinh tế biển Duyên hải Nam Trung Bộ.

Cách giải:

Duyên hải Nam Trung bộ phát triển mạnh ngành giao thông vận tải biển là nhờ vào điều kiện biển có nhiều vịnh sâu, kín gió.

B sai vì nhiều đảo là điều kiện thuận lợi phát triển ngành du lịch biển đảo.

C sai vì nhiều ngư trường lớn là điều kiện thuận lợi phát triển ngành khai thác thủy sản.

D sai vì vùng biển rộng là điều kiện thuận lợi phát triển ngành thủy sản, khí hậu thuận lợi là điều kiện giúp các ngành kinh tế biển diễn ra thuận lợi hơn.

Đáp án: A

Câu 6: Việc hình thành các khu chế xuất ở nước ta có ý nghĩa chủ yếu nào sau đây?

A. Đáp ứng nhu cầu tiêu dùng trong nước và giải quyết việc làm.

B. Thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế và phân công lao động.

C. Góp phần phân bố lại các khu dân cư và mở rộng các đô thị.

D. Tạo nguồn hàng xuất khẩu và thúc đẩy sự tăng trưởng kinh tế.

Câu 6 (TH):

Phương pháp:

Dựa vào đặc điểm các khu chế xuất.

Lưu ý: việc hình thành, phát triển loại hình/ngành/... đều nhằm mục đích lớn nhất là phát triển kinh

tế.

Cách giải:

Việc hình thành các khu chế xuất ở nước ta có ý nghĩa chủ yếu tạo nguồn hàng xuất khẩu và thúc đẩy sự tăng trưởng kinh tế.

- Tạo nguồn hàng xuất khẩu: Các khu chế xuất được thành lập chủ yếu để sản xuất hàng hóa phục vụ xuất khẩu. Các doanh nghiệp trong khu chế xuất thường được hưởng các ưu đãi về thuế, thủ tục hải quan, và các điều kiện kinh doanh khác để khuyến khích sản xuất và xuất khẩu.

- Thúc đẩy sự tăng trưởng kinh tế: Hoạt động xuất khẩu mang lại nguồn ngoại tệ lớn cho đất nước, thúc đẩy tăng trưởng GDP. Các khu chế xuất cũng thu hút vốn đầu tư nước ngoài, công nghệ tiên tiến và kinh nghiệm quản lý hiện đại, đóng góp vào quá trình công nghiệp hóa và hiện đại hóa đất nước.

A sai vì các khu chế xuất không phải là đáp ứng nhu cầu nội địa mà là hướng đến xuất khẩu.

B, C sai vì đáp án không chỉ rõ ý nghĩa về hiệu quả kinh tế do các khu chế xuất mang lại.

Đáp án: D

Câu 7: Nhân tố quyết định tính chất đa dạng về thành phần loài của giới sinh vật ở Việt Nam là

- A. địa hình đồi núi chiếm ưu thế và phân hóa phức tạp.
- B. khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa và phân hóa đa dạng.
- C. đất tốt và có sự phong phú đa dạng của các nhóm đất.
- D. nằm trên đường di cư, dự lưu của nhiều loài sinh vật.

Câu 7 (NB):

Phương pháp:

Dựa vào nội dung ảnh hưởng của vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ đến tự nhiên, kinh tế - xã hội và an ninh quốc phòng.

Cách giải:

Nhân tố quyết định tính chất đa dạng về thành phần loài của giới sinh vật ở Việt Nam là nằm trên đường di cư, dự lưu của nhiều loài sinh vật.

Đáp án: D

Câu 8: Vai trò của kinh tế Nhà nước là

- A. cung cấp dịch vụ, tạo điều kiện để các thành phần kinh tế sản xuất, kinh doanh.
- B. ổn định kinh tế vĩ mô, định hướng và dẫn dắt phát triển kinh tế - xã hội.

C. động lực quan trọng của nền kinh tế với các tập đoàn tư nhân lớn mạnh.

D. huy động nguồn đầu tư, công nghệ, phương thức quản lí từ nước ngoài.

Câu 8 (TH):

Phương pháp:

Dựa vào nội dung chuyển dịch cơ cấu kinh tế (phần chuyển dịch theo thành phần kinh tế).

Cách giải:

Vai trò của kinh tế Nhà nước là ổn định kinh tế vĩ mô, định hướng và dẫn dắt phát triển kinh tế - xã hội.

A, C sai vì đó là vai trò của thành phần kinh tế ngoài Nhà nước.

D sai vì đó là vai trò của khu vực có vốn đầu tư nước ngoài.

Đáp án: B

Câu 9: Ý nghĩa chủ yếu của đường Hồ Chí Minh đối với Bắc Trung Bộ là

A. tăng khối lượng hành khách vận chuyển, thu hút đầu tư, mở rộng hệ thống đô thị.

B. tăng cường giao thương với các nước láng giềng, thúc đẩy phát triển kinh tế mở.

C. thúc đẩy kinh tế các huyện phía tây, phân bố lại dân cư, hình thành đô thị mới.

D. tăng khả năng vận chuyển Bắc - Nam, mở rộng hậu phương cho cả nước sâu.

Câu 9 (VD):

Phương pháp:

Dựa vào đặc điểm, vai trò của tuyến đường Hồ Chí Minh, kết hợp với các ý nghĩa của đường Hồ Chí Minh mang lại cho Bắc Trung Bộ.

Cách giải:

Ý nghĩa chủ yếu của đường Hồ Chí Minh đối với Bắc Trung Bộ là thúc đẩy kinh tế các huyện phía tây, phân bố lại dân cư, hình thành đô thị mới.

- Thúc đẩy kinh tế các huyện phía tây: Đường Hồ Chí Minh, trục đường bộ xuyên quốc gia thứ hai của nước ta, đã đem lại ý nghĩa chủ yếu thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của dải đất phía tây. Trước khi có đường

Hồ Chí Minh, các khu vực phía tây của Bắc Trung Bộ thường gặp nhiều khó khăn trong phát triển kinh tế do giao thông cách trở. Đường Hồ Chí Minh đã mở ra cơ hội tiếp cận thị trường, thu hút đầu tư, khai thác tiềm năng về tài nguyên và du lịch của khu vực này.

- Phân bố lại dân cư: Việc phát triển kinh tế ở các khu vực phía tây nhờ đường Hồ Chí Minh tạo ra các khu dân cư mới, thu hút người dân từ các vùng khác đến sinh sống và làm việc, góp phần phân

bổ lại dân cư trong vùng.

- Hình thành đô thị mới: Sự phát triển kinh tế và dân cư dọc theo tuyến đường Hồ Chí Minh dẫn đến sự hình thành và mở rộng các đô thị mới, tạo ra các trung tâm kinh tế, văn hóa và dịch vụ mới ở khu vực này.

Đáp án: C

Câu 10: Vùng kinh tế nào sau đây ở nước ta có tỉ lệ dân thành thị cao nhất?

- | | |
|-----------------------------|----------------------------|
| A. Đồng bằng sông Cửu Long. | B. Duyên hải Nam Trung Bộ. |
| C. Đồng bằng sông Hồng. | D. Đông Nam Bộ. |

Câu 10 (NB):

Phương pháp:

Dựa vào nội dung khái quát Đông Nam Bộ (phần dân số).

Cách giải:

Đông Nam Bộ là vùng có tỉ lệ dân thành thị cao nhất. Năm 2021, tỉ lệ dân thành thị của vùng này là 66,4%.

Đáp án: D

Câu 11: Loại hình vận tải có khối lượng hàng hóa luân chuyển lớn nhất nước ta là

- | | | | |
|--------------|----------------|----------------|----------------------|
| A. đường bộ. | B. đường biển. | C. đường sông. | D. đường hàng không. |
|--------------|----------------|----------------|----------------------|

Câu 11 (NB):

Phương pháp:

Dựa vào ngành giao thông vận tải nước ta.

Cách giải:

Loại hình vận tải có khối lượng hàng hóa luân chuyển lớn nhất nước ta là đường biển (đường biển chở hàng hóa nặng, cồng kềnh, di chuyển trên quãng đường rất xa => có khối lượng luân chuyển hàng hóa rất lớn vì khối lượng luân chuyển = khối lượng vận chuyển x cự li vận chuyển).

Đáp án: B

Câu 12: Loại gió hoạt động quanh năm và thường xuyên ở nước ta là gió

- | | | | |
|---------------|------------|--------------|------------------|
| A. Tín phong. | B. mùa hạ. | C. mùa đông. | D. phơn Tây Nam. |
|---------------|------------|--------------|------------------|

Câu 12 (NB):

Phương pháp:

Dựa vào nội dung biểu hiện của thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa (phần gió mùa).

Cách giải:

Loại gió hoạt động quanh năm và thường xuyên ở nước ta là gió Tín phong vì nước ta nằm trong vùng nội chí tuyến bán cầu Bắc. (Gió Tín phong hoạt động quanh năm ở khu vực nội chí tuyến).

Các loại gió còn lại là gió mùa và gió địa phương hoạt động vào 1 khoảng thời gian nhất định.

Đáp án: A

Câu 13: Đảo nào sau đây của nước ta, hiện nay đã trở thành thành phố đảo?

- A. Côn Đảo. B. Phú Quốc. C. Cô Tô. D. Phú Quý.

Câu 13 (NB):

Phương pháp:

Dựa vào nội dung vùng biển Việt Nam, các đảo và quần đảo.

Cách giải:

Phú Quốc hiện nay đã trở thành thành phố đảo. Đây cũng là thành phố đảo duy nhất của nước ta.

Đáp án: B

Câu 14: Nhân tố chủ yếu tạo việc làm cho lao động nước ta hiện nay là

- A. chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế, nâng cao trình độ người lao động.
B. sự phát triển của các ngành kinh tế, đa dạng hoá loại hình sản xuất.
C. việc đẩy mạnh quá trình đô thị hoá, đẩy mạnh hiện đại hoá sản xuất.
D. tăng năng suất lao động xã hội, sử dụng nhiều phương tiện tự động.

Câu 14 (TH):

Phương pháp:

Dựa vào nội dung vấn đề việc làm ở nước ta.

Cách giải:

Nhân tố chủ yếu tạo việc làm cho lao động nước ta hiện nay là sự phát triển của các ngành kinh tế, đa dạng hoá loại hình sản xuất.

A, C, D sai vì nâng cao trình độ người lao động, đẩy mạnh quá trình đô thị hoá, đẩy mạnh hiện đại hoá sản xuất, tăng năng suất lao động xã hội, sử dụng nhiều phương tiện tự động không phải là các yếu tố tạo ra nhiều việc làm cho người lao động.

Đáp án: B

Câu 15: Đặc điểm nào sau đây **không** đúng với dân cư nước ta hiện nay?

- A. Dân cư phân bố đều giữa thành thị và nông thôn.
- B. Cơ cấu dân số theo nhóm tuổi có sự thay đổi.
- C. Quy mô dân số đông, nhiều thành phần dân tộc.
- D. Tốc độ gia tăng dân số giảm, cơ cấu dân số vàng.

Câu 15 (TH):

Phương pháp:

Dựa vào đặc điểm dân số nước ta (phân phân bố dân cư).

Cách giải:

Dân cư phân bố đều giữa thành thị và nông thôn là đặc điểm không đúng. Dân cư nước ta hiện nay phân bố không đều giữa thành thị và nông thôn, giữa đồng bằng và miền núi.

Đáp án: A

Câu 16: Điều kiện nào sau đây thuận lợi nhất để Đồng bằng sông Cửu Long phát triển ngành nuôi trồng thủy sản?

- A. Ít chịu ảnh hưởng của bão.
- B. Khí hậu cận xích đạo gió mùa.
- C. Người dân có kinh nghiệm trong sản xuất.
- D. Rừng ngập mặn, diện tích mặt nước lớn.

Câu 16 (TH):

Phương pháp:

Dựa vào nội dung sử dụng hợp lí tự nhiên Đồng bằng sông Cửu Long.

Cách giải:

Điều kiện thuận lợi nhất để Đồng bằng sông Cửu Long phát triển ngành nuôi trồng thủy sản là rừng ngập mặn, diện tích mặt nước lớn.

- Diện tích mặt nước lớn: Đồng bằng sông Cửu Long có hệ thống sông ngòi, kênh rạch chằng chịt, cùng với các vùng đất ngập nước, tạo ra một diện tích mặt nước tự nhiên vô cùng lớn, rất thuận lợi cho việc nuôi trồng các loài thủy sản nước ngọt, nước lợ.

- Rừng ngập mặn: Hệ sinh thái rừng ngập mặn ven biển cung cấp môi trường sống lý tưởng và nguồn thức ăn tự nhiên phong phú cho nhiều loài thủy sản nước mặn có giá trị kinh tế cao như tôm, cua, cá kèo,...

Đáp án: D

Câu 17: Vùng biển nước ta **không** tiếp giáp với quốc gia nào sau đây?

- A. Ma-lai-xi-a. B. Xin-ga-po. C. Đông-ti-mo. D. In-đô-nê-xi-a.

Câu 17 (TH):

Phương pháp:

Dựa vào nội dung khái quát về Biển Đông.

Cách giải:

Vùng biển nước ta tiếp giáp với biển của các nước Trung Quốc, Cam-pu-chia, Thái Lan, Ma-lai-xi-a, Xin-ga-po, In-đô-nê-xi-a, Bru-nây và Phi-lip-pin.

=> Vùng biển nước ta **không** tiếp giáp với quốc gia Đông-ti-mo.

Đáp án: C

Câu 18: Gió mùa đông có đặc điểm nào sau đây?

- A. Thổi từ Tây Nam ra biển, gây gió mạnh ở vùng biển.
B. Làm thời tiết khô và lạnh vào mùa đông ở miền Bắc.
C. Thổi từ biển vào đất liền, mang theo lượng mưa lớn.
D. Thổi từ phía Nam ra phía Bắc, gây mưa lớn kéo dài.

Câu 18 (NB):

Phương pháp:

Dựa vào nội dung biểu hiện của thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa (phần gió mùa).

Cách giải:

Gió mùa đông có đặc điểm Làm thời tiết khô và lạnh vào mùa đông ở miền Bắc.

A, C, D sai vì gió mùa đông thổi theo hướng đông bắc từ áp cao Xi-bia (phương Bắc) tràn xuống, gây thời tiết lạnh cho miền Bắc.

Đáp án: B

PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai

Câu	1	2	3	4
Đáp án	ĐĐSĐ	ĐSSS	ĐSSĐ	ĐĐSS

Câu 1: Cho bảng số liệu:

Diện tích và sản lượng lúa cả năm của Duyên hải Nam Trung Bộ giai đoạn 2010 – 2021

Năm	2010	2015	2020	2021
Diện tích (nghìn ha)	524,1	519,0	484,2	524,5
Sản lượng (nghìn tấn)	2779,5	3045,4	2942,9	3248,8

(Nguồn: Niên giám thống kê năm 2016, tr.454,458; năm 2022, tr.603, 607)

- a) Năng suất lúa tăng liên tục và năm 2021 đạt cao nhất.
- b) Diện tích lúa có xu hướng tăng nhưng không ổn định.
- c) Sản lượng lúa tăng liên tục và tăng nhanh hơn năng suất.
- d) Tốc độ tăng trưởng của năng suất nhanh hơn diện tích.

Câu 1 (VD):

Phương pháp:

- a) Dựa vào công thức:

Năng suất = Sản lượng/Diện tích

- b, c) Dựa vào bảng số liệu.

- d) Dựa vào công thức:

Tốc độ tăng trưởng = (Giá trị năm cần tính/Giá trị năm gốc)*100

Cách giải:

- a) Đúng.

- Năng suất lúa nước ta năm 2010 là: $2779,5/524,1 = 5,3$ tấn/ha

- Tính tương tự, ta được năng suất lúa nước ta năm 2015, 2020, 2021 lần lượt là 5,9 tấn/ha; 6,1 tấn/ha; 6,2 tấn/ha.

=> Năng suất lúa tăng liên tục và năm 2021 đạt cao nhất.

- b) Đúng. Diện tích lúa năm 2021 tăng so với tăng 2010 nhưng giai đoạn 2010 – 2020, diện tích lúa giảm => Diện tích lúa có xu hướng tăng nhưng không ổn định.

- c) Sai.

- Sản lượng lúa giai đoạn 2015 – 2020 giảm.

- Giai đoạn 2010 – 2021, sản lượng lúa tăng: $3248,8/2779,5 = 1,1689$ lần; năng suất lúa tăng: $6,2/5,3 = 1,1698$ lần

=> Sản lượng lúa có xu hướng tăng nhưng không ổn định, tăng chậm hơn năng suất.

- d) Đúng.

- Tốc độ tăng trưởng diện tích là: $(524,5/524,1)*100 = 100,1\%$
 - Tốc độ tăng trưởng năng suất là: $(6,2/5,3)*100 = 117\%$
- => Tốc độ tăng trưởng của năng suất nhanh hơn diện tích.

Đáp án: Đ, Đ, S, Đ

Câu 2: Cho thông tin sau:

Với nền nhiệt độ cao, lượng mưa dồi dào và sự thay đổi rõ rệt theo mùa, đất nước ta sở hữu những cánh rừng xanh muốt quanh năm, những đồng bằng màu mỡ, và hệ động – thực vật vô cùng đa dạng. Mùa hè đến, những cơn mưa bất chợt tưới mát đất trời, đánh thức sức sống mãnh liệt của cỏ cây hoa lá; mùa đông se lạnh lại đem đến sự lặng lẽ dịu dàng cho núi rừng. Khí hậu nhiệt đới ẩm không chỉ tạo điều kiện thuận lợi cho nông nghiệp phát triển mà còn là nền tảng cho lối sống gắn bó mật thiết với tự nhiên của người Việt. Trong từng cơn gió, từng hạt mưa, ta cảm nhận được hơi thở nồng nàn của đất trời, của một vùng đất giàu sức sống và đầy bản sắc.

- a) Rừng rậm nhiệt đới ẩm thường xanh là kiểu thảm thực vật đặc trưng của Việt Nam.
- b) Việt Nam không có sự phân hóa mùa rõ rệt, do khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa ổn định quanh năm.
- c) Khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa không ảnh hưởng nhiều đến đời sống và sản xuất nông nghiệp ở Việt Nam.
- d) Thiên nhiên nước ta mang tính chất nhiệt đới ẩm gió mùa.

Câu 2 (VD):

Phương pháp:

Dựa vào đoạn thông tin và nội dung thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa và ảnh hưởng đến sản xuất, đời sống.

Cách giải:

- a) Đúng. Đoạn thông tin có đề cập: “Với nền nhiệt độ cao, lượng mưa dồi dào và sự thay đổi rõ rệt theo mùa, đất nước ta sở hữu những cánh rừng xanh muốt quanh năm” => Rừng rậm nhiệt đới ẩm thường xanh là kiểu thảm thực vật đặc trưng của Việt Nam.
- b) Sai. Đoạn thông tin có đề cập: “Với nền nhiệt độ cao, lượng mưa dồi dào và sự thay đổi rõ rệt theo mùa”
- c) Sai. Đoạn thông tin có đề cập: “Khí hậu nhiệt đới ẩm không chỉ tạo điều kiện thuận lợi cho nông nghiệp phát triển mà còn là nền tảng cho lối sống gắn bó mật thiết với tự nhiên của người Việt.”
- d) Đúng. Cảnh quan thiên nhiên phụ thuộc vào đặc điểm khí hậu, nước ta có kiểu khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa => Thiên nhiên mang tính chất nhiệt đới ẩm gió mùa.

Đáp án: D, S, S, S

Câu 3: Cho thông tin sau:

Nông nghiệp Việt Nam đóng vai trò quan trọng trong nền kinh tế quốc dân, góp phần đảm bảo an ninh lương thực và cung cấp nguyên liệu cho nhiều ngành công nghiệp. Với điều kiện tự nhiên thuận lợi như đất đai màu mỡ, khí hậu nhiệt đới gió mùa, Việt Nam phát triển đa dạng các loại cây trồng như lúa gạo, cà phê, hồ tiêu, cao su và trái cây nhiệt đới. Bên cạnh đó, chăn nuôi và nuôi trồng thủy sản cũng là những lĩnh vực quan trọng, đặc biệt là xuất khẩu tôm, cá tra, cá basa. Trong những năm gần đây, ngành nông nghiệp đang chuyển mình theo hướng hiện đại hóa, ứng dụng công nghệ cao để nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm và thích ứng với biến đổi khí hậu.

- a) Việt Nam đã triển khai mô hình nông nghiệp hữu cơ và phát triển sản phẩm nông sản sạch, đáp ứng nhu cầu tiêu dùng trong nước và xuất khẩu.
- b) Việt Nam không phải là nước xuất khẩu lớn các sản phẩm nông sản như gạo, cà phê, và hồ tiêu.
- c) Nông nghiệp Việt Nam chủ yếu dựa vào công nghiệp hóa hiện đại, không còn phụ thuộc vào sản xuất truyền thống.
- d) Việt Nam có thể sản xuất nông sản quanh năm nhờ khí hậu nhiệt đới và đa dạng các vùng sinh thái.

Câu 3 (VD):

Phương pháp:

Dựa vào đoạn thông tin và nội dung về ngành Nông nghiệp nước ta.

Cách giải:

- a) Đúng. Mô hình nông nghiệp hữu cơ phù hợp với “xu hướng hiện đại hóa, ứng dụng công nghệ cao, đáp ứng nhu cầu trong nước và xuất khẩu”.
- b) Sai. Đoạn thông tin có nhắc rõ Việt Nam trồng lúa gạo, cà phê, hồ tiêu, và đây cũng chính là những mặt hàng nông sản xuất khẩu chủ lực của nước ta.
- c) Sai. Nông nghiệp nước ta mới đang chuyển mình theo hướng hiện đại hóa, tức là vẫn còn phụ thuộc vào phương thức sản xuất truyền thống.
- d) Đúng. Với khí hậu nhiệt đới gió mùa và sự đa dạng của các vùng sinh thái, Việt Nam có khả năng trồng trọt và thu hoạch nhiều loại nông sản khác nhau quanh năm. Điều kiện tự nhiên thuận lợi này cho phép sản xuất nông nghiệp liên tục

Đáp án: D, S, S, D

Câu 4: Cho thông tin sau:

Duyên hải Nam Trung Bộ – dải đất trải dài theo bờ biển xanh thẳm – là nơi giao hòa tuyệt đẹp giữa thiên nhiên hùng vĩ và nét văn hóa đặc sắc của con người miền Trung. Vùng đất này không chỉ nổi tiếng với những bãi biển đẹp như tranh vẽ – Nha Trang, Mũi Né, Quy Nhơn – mà còn là khu vực kinh tế năng động, đóng vai trò quan trọng trong chiến lược phát triển biển của quốc gia. Với hệ thống cảng biển, sân bay quốc tế và tuyến giao thông huyết mạch Bắc – Nam, Duyên hải Nam Trung Bộ đang ngày càng khẳng định vai trò là cầu nối thương mại, du lịch và hội nhập quốc tế. Tiềm năng về kinh tế biển, du lịch, nuôi trồng thủy sản và năng lượng tái tạo đang được khai thác hiệu quả, góp phần đưa vùng đất đầy nắng gió này trở thành trung tâm phát triển bền vững, gắn kết giữa truyền thống và hiện đại, giữa con người và thiên nhiên.

- a) Ngành du lịch là một trong những ngành phát triển mạnh mẽ ở vùng kinh tế Duyên hải miền Trung nhờ vào các bãi biển đẹp và di sản văn hóa.
- b) Các cảng biển như Đà Nẵng, Quy Nhơn và Cam Ranh là những cửa ngõ quan trọng trong giao thương quốc tế của Nam Trung Bộ.
- c) Kinh tế Duyên hải miền Trung chủ yếu phụ thuộc vào ngành công nghiệp nặng và khai khoáng.
- d) Vùng kinh tế Duyên hải miền Trung không có sự phát triển mạnh mẽ trong ngành công nghiệp chế biến thực phẩm.

Câu 4 (VD):

Phương pháp:

Dựa vào đoạn thông tin và nội dung các ngành kinh tế biển Duyên hải Nam Trung Bộ.

Cách giải:

- a) Đúng. Đoạn thông tin đã chỉ rõ Duyên hải Nam Trung Bộ nổi tiếng với những bãi biển đẹp như Nha Trang, Mũi Né, Quy Nhơn. Mặc dù không trực tiếp đề cập đến di sản văn hóa, nhưng với vai trò là một vùng đất có lịch sử và văn hóa đặc sắc của miền Trung, du lịch văn hóa cũng có tiềm năng phát triển mạnh mẽ, kết hợp với du lịch biển.
- b) Đúng. Các cảng biển lớn đóng vai trò xuất, nhập khẩu hàng hoá giữa nước ta với các nước trên thế giới.
- c) Sai. Kinh tế Duyên hải miền Trung chủ yếu phụ thuộc vào các ngành kinh tế biển: du lịch biển, giao thông vận tải biển, khai thác tài nguyên sinh vật biển và khai thác khoáng sản biển.
- d) Sai. Vùng kinh tế Duyên hải miền Trung phát triển mạnh ngành nuôi trồng và khai thác thủy sản => công nghiệp chế biến thủy sản cũng phát triển mạnh.

Đáp án: Đ, Đ, S, S

PHẦN III. Câu trắc nghiệm trả lời ngắn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 6

Câu	1	2	3	4	5	6
Đáp án	4344	55,9	2231	91,2	4,7	5,1

Câu 1: Năm 2023 tổng GDP nước ta là 10 221,8 nghìn tỉ đồng, trong đó GDP của dịch vụ chiếm 42,5%. Tính giá trị GDP của ngành dịch vụ năm 2023? (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị).

Câu 1 (VD):

Phương pháp:

Dựa vào công thức tính:

Giá trị thành phần = (Tỉ lệ giá trị thành phần * Tổng giá trị) / 100

Cách giải:

Tỉ Tính giá trị GDP của ngành dịch vụ năm 2023:

$(42,5 * 10\,221,8) / 100 = 4\,344$ nghìn tỉ đồng

Đáp án: 4344

Câu 2: Năm 2023, tổng đàn trâu cả nước là 2 136,0 nghìn con, vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ có 1 193,5 nghìn con. Tính tỉ trọng đàn trâu của Trung du miền núi Bắc Bộ trong tổng đàn trâu cả nước? (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân).

Câu 2 (VD):

Phương pháp:

Dựa vào công thức tính:

Tỉ trọng = (Giá trị thành phần / Tổng giá trị) * 100

Cách giải:

Tỉ trọng đàn trâu của Trung du miền núi Bắc Bộ trong tổng đàn trâu cả nước là:

$(1\,193,5 / 2\,136,0) * 100 = 55,9\%$

Đáp án: 55,9

Câu 3: Cho bảng số liệu:

Lượng mưa các tháng, năm 2023 tại trạm quan trắc Đà Lạt

(Đơn vị: mm)

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
-------	---	---	---	---	---	---	---	---	---	----	----	----

Lượng mưa	31,0	4,8	49,5	39,5	410,0	432,8	450,1	151,9	288,3	262,8	74,9	35,8

Căn cứ vào bảng số liệu trên, hãy cho biết tổng lượng mưa năm 2023 tại trạm quan trắc Đà Lạt là bao nhiêu mm? (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị).

Câu 3 (TH):

Phương pháp:

Dựa vào công thức tính:

Tổng lượng mưa = Lượng mưa tháng 1 + Lượng mưa tháng 2 + ... + Lượng mưa tháng 12.

Cách giải:

Tổng lượng mưa năm 2023 tại trạm quan trắc Đà Lạt là:

$$31,0 + 4,8 + 49,5 + \dots + 35,8 = 2231 \text{ mm}$$

Đáp án: 2231

Câu 4: Năm 2022, doanh thu dịch vụ bưu chính và viễn thông của nước ta là 361 337,1 nghìn tỉ đồng, trong đó doanh thu của viễn thông là 32 9631,8 nghìn tỉ đồng. Hãy cho biết tỉ trọng doanh thu của viễn thông trong tổng doanh thu dịch vụ bưu chính và viễn thông là bao nhiêu phần trăm? (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân).

Câu 4 (VD):

Phương pháp:

Dựa vào công thức tính:

$$\text{Tỉ trọng} = (\text{Giá trị thành phần} / \text{Tổng giá trị}) * 100$$

Cách giải:

Tỉ trọng doanh thu của viễn thông trong tổng doanh thu dịch vụ bưu chính và viễn thông là:

$$(32\,9631,8 / 361\,337,1) * 100 = 91,2\%$$

Đáp án: 91,2

Câu 5: Cho bảng số liệu:

Diện tích, dân số của Đà Nẵng và Tp Hồ Chí Minh năm 2023

Địa điểm	Diện tích (km ²)	Dân số (nghìn người)
Đà Nẵng	1 284,7	1 245,2

Tp Hồ Chí Minh	2 095,4	9 456,7
----------------	---------	---------

(Nguồn: Tổng cục thống kê Việt Nam năm 2023)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, hãy cho biết năm 2023, mật độ dân số của TP Hồ Chí Minh gấp mấy lần Đà Nẵng? (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân).

Câu 5 (VD):

Phương pháp:

Dựa vào công thức tính:

Mật độ dân số = Số dân/Diện tích

Lưu ý đổi đơn vị

Cách giải:

Đổi 1 245,2 nghìn người = 1 245 200 người

9 456,7 nghìn người = 9 456 700 người

Năm 2023, so với Đà Nẵng, mật độ dân số của TP. Hồ Chí Minh gấp:

$(9\,456,7/2\,095,4) / (1\,245\,200/1\,284,7) = 4,7$ lần

Đáp án: 4,7

Câu 6: Cho bảng số liệu:

Sản lượng thủy sản nước ta năm 2015 và năm 2023

(Đơn vị: triệu tấn)

Sản lượng	2015	2023
Khai thác	3,03	3,8
Nuôi trồng	3,52	5,43

(Nguồn: Tổng cục thống kê Việt Nam năm 2023)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, hãy cho biết tỉ trọng sản lượng thủy sản nuôi trồng của nước ta năm 2023 so với năm 2015 tăng thêm bao nhiêu phần trăm? (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân).

Câu 6 (VD):

Phương pháp:

Dựa vào công thức tính:

Tỉ trọng = (Giá trị thành phần/Tổng giá trị)*100

Cách giải:

- Tổng sản lượng thủy sản nước ta năm 2015 là: $3,03 + 3,52 = 6,55$ triệu tấn

- Tổng sản lượng thủy sản nước ta năm 2023 là: $3,8 + 5,43 = 9,23$ triệu tấn

=> So với năm 2015, tỉ trọng sản lượng thủy sản nuôi trồng của nước ta năm 2023 tăng thêm:

$$[(5,43/9,23)*100] - [(3,52/6,55)*100] = 5,1\%$$

Đáp án: 5,1

----- HẾT -----